

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HCM

VÕ THỊ THÙY VÂN

**QUẢN TRỊ CÔNG, NỢ NƯỚC NGOÀI VÀ TĂNG
TRƯỞNG KINH TẾ TẠI CÁC QUỐC GIA ĐANG PHÁT
TRIỂN**

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 9340201

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

TP. HỒ CHÍ MINH - NĂM 2019

Công trình được hoàn thành tại : Trường Đại Học Kinh Tế TP.HCM.

Người hướng dẫn khoa học : PGS.TS Nguyễn Hồng Thắng

Phản biện 1 :

.....

Phản biện 2 :

.....

Phản biện 3 :

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp trường họp tại.

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện

.....

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

1.1 Lý do lựa chọn đề tài

Ngày nay, xu thế hội nhập quốc tế đang diễn ra nhanh chóng trên mọi lĩnh vực, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các quốc gia đang phát triển có cơ hội đi tắt đón đầu trong việc tiếp cận với công nghệ mới, tận dụng các nguồn vốn từ bên ngoài. Việc sử dụng vốn vay nước ngoài hợp lý sẽ đem lại những hiệu quả hết sức to lớn, tạo được những lợi thế của những người đi sau. Tuy nhiên, việc sử dụng vốn vay cũng chính là tạo cho mình một khoản nợ đáng kể, đặt ra cho các quốc gia đang phát triển này những thách thức, khó khăn. Đã có nhiều cuộc khủng hoảng nợ xảy ra trong lịch sử ở các quốc gia đang phát triển. Lúc này, các cơ quan viện trợ, các định chế tài chính quốc tế và các nước phát triển đã đặt trọng tâm vào chất lượng quản trị công (quản trị) như một tiêu chí để phân bổ viện trợ tài chính cho các nước đang phát triển. Điều kiện viện trợ nước ngoài này dựa trên sự nhất trí chung rằng quản trị tốt hơn dẫn đến kết quả kinh tế tốt hơn.

Xuất phát từ việc nợ nước ngoài ngày càng tăng có thể góp phần làm suy giảm kinh tế, các nghiên cứu học thuật thuộc chủ đề nghiên cứu của luận án, có thể nói Qayyum et al. (2014) là nghiên cứu thiết lập khung phân tích lý thuyết cho thấy viện trợ nước ngoài và quản trị công hỗ trợ mạnh cho tăng trưởng nhưng nợ nước ngoài lại tạo nên một gánh nặng cho nền kinh tế. Tuy nhiên, Qayyum & Haider (2012) không đưa biến tương tác giữa nợ nước ngoài và chất lượng quản trị công vào trong mô hình tăng trưởng để xem xét tác động của biến tương tác này đối với tăng trưởng. Bên cạnh đó, Qayyum & Haider (2012) sử dụng fixed effects và random effects và Ouedraogo (2015) sử dụng mô hình hiệu chỉnh sai số ECM có một số nhược điểm là không xử lý tốt hiện tượng nội sinh và hiện tượng tự tương quan chuỗi. Ngoài ra, Qayyum & Haider (2012) chỉ sử dụng 3 biến thành phần quản trị công của World Bank, quá ít trong khi hiện nay, chúng ta đã sử dụng cả 6 biến thành phần để xem xét việc cải cách chất lượng quản trị công. Cuối cùng, Qayyum & Haider (2012) chưa chia tách các mẫu nhỏ hơn để

kiểm định việc sử dụng nợ nước ngoài hiệu quả như thế nào ở các nhóm nước trong các quốc gia đang phát triển.

Vì vậy, tác giả quyết định chọn đề tài “ Quản trị công, nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia đang phát triển” để phân tích và nghiên cứu.

1.2 Mục tiêu nghiên cứu

Để xem xét vai trò của quản trị công trong mối quan hệ giữa nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển trong giai đoạn 2000-2014, luận án hướng đến hai mục tiêu như sau:

- (1) Phân tích và đánh giá tác động của quản trị công lên nợ nước ngoài cho các nước đang phát triển.
- (2) Đánh giá tác động của quản trị công lên mối quan hệ giữa nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển.

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp ước lượng GMM Arellano-Bond sai phân hai bước với ưu điểm xử lý tốt hiện tượng nội sinh và tự tương quan.

1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được lấy từ World Bank trong giai đoạn 2000-2014 bao gồm các biến như nợ nước ngoài, bộ 6 chỉ số quản trị công, GDP bình quân đầu người, đầu tư trong nước, nguồn thu thuế, độ mở thương mại, lao động, lạm phát và cơ sở hạ tầng. Số lượng các quốc gia đang phát triển dự kiến là 65 cho mẫu tổng thể, và 2 mẫu phụ bao gồm : 25 quốc gia có thu nhập trung bình thấp và 26 quốc gia có thu nhập trung bình cao..

1.5 Cấu trúc của luận án

Kết cấu luận án bao gồm 5 chương với cấu trúc như sau: ngoài chương I giới thiệu về Tổng quan nghiên cứu, thì chương II giới thiệu về tổng quan lý thuyết và các nghiên cứu về quản trị công, nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế; chương III: Mô hình và phương pháp nghiên cứu; chương IV: Vai trò của quản trị công; chương V: Kết luận và hàm ý chính sách

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN LÝ THUYẾT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG, NỢ NƯỚC NGOÀI VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

2.1. Các khái niệm liên quan

2.1.1. Các khái niệm về nợ nước ngoài

Ngân hàng thế giới WB đưa ra định nghĩa “Nợ nước ngoài là tổng dư nợ của các nghĩa vụ nợ tại từng thời điểm, không bao gồm các nghĩa vụ nợ dự phòng, đòi hỏi người đi vay phải thanh toán nợ gốc có hay không có lãi trong tương lai.

2.1.2. Các khái niệm về quản trị công

Năm 2002, Ngân Hàng thế giới (WB) cho rằng quản trị công là các quy tắc, cơ chế thi hành và các tổ chức được xem như là công cụ hỗ trợ giao dịch thị trường. Các chính sách sẽ ảnh hưởng tới việc thay đổi quản trị công, ngược lại, quản trị công sẽ ảnh hưởng tới việc chính sách nào sẽ được áp dụng.

Phương pháp đo lường quản trị công

Bộ chỉ số “Worldwide governance indicators” bao gồm sáu biến đo lường về chất lượng quản trị công từ 215 quốc gia với thang điểm đánh giá từ xấp xỉ -2.5 đến 2.5. Cụ thể sáu chỉ số phân chia theo ba khía cạnh tiếp cận về quản trị công của Kaufmann & cộng sự như sau: Tiếng nói và giải trình; Ổn định chính trị; Hiệu quả của chính phủ; Chất lượng luật pháp; Kiểm soát tham nhũng; Tuân thủ pháp luật.

2.1.3. Các khái niệm về tăng trưởng

World Bank định nghĩa tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về lượng của những nhân tố đặc trưng cho nền kinh tế, trong đó thường được sử dụng là tổng sản phẩm xã hội, có tính đến sự liên quan với dân số.

2.2. Khung lý thuyết về quản trị công, nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế

2.2.1. Lý thuyết về tác động của quản trị công lên nợ nước ngoài

Oatley (2010) đã phát triển khung lý thuyết một cách chính thức khi xem xét mối quan hệ giữa quản trị công và nợ nước ngoài. Trong khung lý thuyết này, Oatley (2010) nhấn mạnh sự khác biệt trong việc sử dụng các khoản nợ vay nước ngoài giữa các quốc gia đến từ môi trường quản trị công.

2.2.2. Vai trò của quản trị công đối với mối quan hệ giữa nợ nước ngoài và tăng trưởng

2.2.2.1. Cơ sở lý thuyết về nợ nước ngoài và các vấn đề vĩ mô

Samuelson & Nordhaus (1976) đã khởi đầu với lý thuyết “Cái vòng luẩn quẩn” và “Cú huých từ bên ngoài” lý giải bối cảnh tại sao các nước đang phát triển lại cần huy động vốn từ bên ngoài. Kế đến, mô hình lý thuyết hai khoảng cách của Chenery & Strout (1966) đề cập đến khoảng cách Thương mại và khoảng cách Đầu tư - Tiết kiệm là cơ sở để tìm đến nguồn nợ nước ngoài. Và mô hình lý thuyết ba khoảng cách của Bacha (1990), Solimano (1990), và Taylor (1994) lý giải thêm khoảng cách Thâm hụt ngân sách trong việc thu hút vốn từ bên ngoài.

2.2.2.2. Mối quan hệ giữa nợ nước ngoài, quản trị công và tăng trưởng

Đối mặt nguy cơ bẫy nợ (debt overhang) khi gia tăng nợ nước ngoài của các quốc gia đang phát triển

Krugman (1988) đưa ra định nghĩa về lý thuyết nguy cơ bẫy nợ (debt overhang) để giải thích cho trạng thái số tiền dự kiến trả cho nợ nước ngoài

sẽ giảm đi khi tổng nợ gia tăng. Điều này có nghĩa là nếu trong tương lai, lượng nợ gia tăng càng cao, thì khả năng chi trả vốn và gốc sẽ làm giảm tốc độ đầu tư phát triển trong nước, từ đó dẫn đến ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế.

Các giải pháp để khắc phục bẫy nợ và hiệu quả đạt được thấp.

Mặc dù WB và IMF đã đưa ra nhiều biện pháp để hỗ trợ các quốc gia nghèo mắc nợ cao, nhưng các nước này vẫn không đạt được hiệu quả trong tăng trưởng kinh tế.

Vai trò của quản trị công trong việc gia tăng hiệu quả của nợ nước ngoài ở các quốc gia mắc nợ cao

Asiedu (2003) trình bày mô hình lý thuyết gắn kết việc giảm nợ với chất lượng quản trị công ở một quốc gia. Kết quả phân tích cho thấy một quốc gia cần đạt được một ngưỡng chất lượng quản trị công nhất định để có được lợi ích từ việc giảm nợ. Asiedu (2003) chỉ ra rằng giảm nợ làm giảm ngưỡng của chất lượng quản trị công cần có để thu hút đầu tư nước ngoài.

Khung phân tích lý thuyết kết nối bộ ba nợ nước ngoài, quản trị công và tăng trưởng kinh tế

Liên quan đến chủ đề nghiên cứu, Qayyum et al. (2014) là nghiên cứu phân tích và phát triển khung phân tích lý thuyết cho một nền kinh tế mở để kết nối bộ ba nợ nước ngoài, chất lượng quản trị công và tăng trưởng kinh tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy viện trợ nước ngoài và quản trị công hỗ trợ mạnh cho tăng trưởng nhưng nợ nước ngoài lại tạo nên một áp lực cho nền kinh tế. Đặc biệt, quản trị công đóng vai trò đặc biệt trong tác động của nợ nước ngoài lên tăng trưởng kinh tế.

2.3. Tổng quan các nghiên cứu thực nghiệm

2.3.1 Tác động của quản trị công lên nợ nước ngoài

2.3.2 Nợ nước ngoài, chất lượng quản trị công và tăng trưởng kinh tế

2.3.2.1 Tác động của nợ nước ngoài lên tăng trưởng kinh tế

2.3.2.2 Tác động của chất lượng quản trị công lên tăng trưởng kinh tế

2.3.3 Tác động của nợ nước ngoài và chất lượng quản trị công lên tăng trưởng kinh tế

2.4 Một số nhận xét và khoảng trống nghiên cứu

CHƯƠNG 3: MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Mô hình nghiên cứu

3.1.1 Mô hình nghiên cứu về tác động của quản trị công lên nợ nước ngoài

Dựa trên nghiên cứu của Oatley (2010) cho rằng khi quản trị công tốt thì hiệu quả sử dụng vốn vay nước ngoài tăng lên. Ngoài ra, dựa vào các nghiên cứu thực nghiệm của Asiedu (2003) trình bày mô hình gắn kết việc giảm nợ với chất lượng quản trị công, từ đó luận án xây dựng mô hình tương quan của quản trị công lên nợ nước ngoài như sau:

$$EDE_t = f(INS_t) = \alpha_0 + \alpha_1 INS_t + \varepsilon_t \quad (3.1)$$

Viết lại phương trình kiểm định tác động của quản trị công lên nợ nước ngoài dưới dạng phương trình hồi quy động cho dữ liệu bảng như sau:

$$EDE_{it} = \beta_0 + \beta_1 EDE_{it-1} + \beta_2 INS_{it} + Z_{it}\beta_3 + \mu_i + \zeta_{it} \quad (3.2)$$

Trong đó chỉ số i và t là quốc gia và thời gian, EDE_{it} là tỷ lệ nợ nước ngoài theo GDP; INS_{it} là chất lượng quản trị công; Z_{it} là một vector bao gồm các yếu tố có ảnh hưởng lên nợ nước ngoài; μ_i là sai số không quan sát được và ζ_{it} là sai số quan sát được.

3.1.2 Mô hình nghiên cứu về quản trị công, nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế

Dựa vào Greiner (2007), luận án giả sử hàm tăng trưởng của một nền kinh tế phụ thuộc vào đầu tư trong nước và chi tiêu của chính phủ, luận án xây dựng hàm tổng sản xuất của một nền kinh tế có dạng như sau:

$$y = Ak^\alpha G^{1-\alpha} \quad \text{với } 0 < \alpha < 1 \quad (3.3)$$

Trong đó y là sản lượng bình quân đầu người, A là năng suất yếu tố tổng hợp, k là vốn bình quân đầu người, G là tổng chi tiêu chính phủ, α và $1 - \alpha$ lần lượt là các hệ số co giãn của sản lượng theo vốn và chi tiêu công

Mô hình (3.1) được chuyển đổi thành dạng ln:

$$\ln y_t = \ln A_t + \alpha \ln k_t + (1-\alpha) \ln G_t \quad (3.4)$$

Dựa vào Barro (1990), luận án giả định, để tài trợ cho chi tiêu của mình, chính phủ sử dụng thuế (TAX_t) và vay nợ từ bên ngoài (EDE_t)

$$\text{Ta có: } G_t = \beta_1 TAX_t + \beta_2 EDE_t \quad (3.5)$$

với β_1, β_2 là hệ số co giãn, G_t là chi tiêu chính phủ, TAX_t là nguồn thu thuế, EDE_t là nợ nước ngoài

Thay G từ phương trình (3.5) vào phương trình (3.4)

$$\ln y_t = \ln A_t + \alpha \ln k_t + (1-\alpha) \ln [\beta_1 TAX_t + \beta_2 EDE_t] \quad (3.6)$$

Dựa vào lý thuyết của North (1994) ta thấy có mối tương quan giữa quản trị công và năng suất các yếu tố tổng hợp A , cụ thể năng suất yếu tố tổng hợp A chịu sự tác động của quản trị công (INS) như sau:

$$A = f(INS_t) = A_0 e^{INS} \quad (3.7)$$

Lấy logarit hai vế, ta có:

$$\ln A_t = a_0 + \alpha INS_t \quad (3.8)$$

Thay (3.8) vào (3.6),

$$\ln y_t = a_0 + \alpha INS_t + \alpha \ln k_t + (1-\alpha) [\ln TAX_t + \ln EDE_t]$$

$$\ln y_t = a_0 + \alpha \ln k_t + (1-\alpha) [\ln TAX_t + \ln EDE_t] + \alpha INS_t$$

$$\ln y_t = a_0 + \alpha \ln k_t + (1-\alpha) \ln TAX_t + (\alpha-1) \ln EDE_t + \alpha INS_t \quad (3.10)$$

Viết và sắp xếp lại phương trình (3.10) như sau:

$$\ln y_t = a_0 + \beta_1 \ln k_t + \beta_2 \ln TAX_t + \beta_3 \ln EDE_t + \beta_4 INS_t \quad (3.11)$$

Rewrite the model (3.11) as dynamic regression equations for panel data

$$y_{it} = a_0 + \alpha_1 k_{it} + \alpha_2 TAX_{it} + \alpha_3 EDE_{it} + \alpha_4 INS_{it} + \alpha_5 EDE_{it} \times INS + \alpha_6 Z_{it} + \mu_i + \zeta_{it} \quad (3.12)$$

3.2 Phương pháp nghiên cứu

Luận án thực hiện việc phân tích và đánh giá thực nghiệm mối quan hệ bộ ba giữa nợ nước ngoài, quản trị công và tăng trưởng kinh tế, cụ thể luận án sẽ phải tiến hành các nội dung sau đây:

- (1) Kiểm tra, đánh giá thực nghiệm tác động của chất lượng quản trị công lên nợ nước ngoài, thực hiện đối với cho mẫu chính gồm 65 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 2000-2014.

- (2) Kiểm định thực nghiệm tác động của nợ nước ngoài, chất lượng quản trị công và tương tác của chúng lên tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia này.

Việc ước lượng được thực hiện trên ba mẫu nghiên cứu, bao gồm: 65 quốc gia đang phát triển gọi là mẫu nghiên cứu chính và hai mẫu phụ là mẫu 25 quốc gia thu nhập trung bình thấp và mẫu 26 quốc gia thu nhập trung bình cao.

3.2.1 Tác động của chất lượng quản trị công lên nợ nước ngoài

Kiểm định đồng liên kết bằng Westerlund

Giả định mô hình hiệu chỉnh sai số giữa hai biến X_{it} và Z_{it} có dạng như sau:

$$\Delta Z_{it} = \alpha_i + \beta_{i1}\Delta Z_{it-1} + \beta_{i2}\Delta Z_{it-2} + \dots + \beta_{ik}\Delta Z_{it-k} + \gamma_{i0}\Delta X_{it} + \gamma_{i1}\Delta X_{it-1} + \dots + \gamma_{ik}\Delta X_{it-k} + \dots + (\beta_{i1}Z_{it-1} - \gamma_{i1}X_{it-1}) + \varepsilon_{it} \quad (3.13)$$

Giả thuyết kiểm định cho từng đơn vị bảng cũng như toàn bộ dữ liệu bảng như sau: $H_0: \beta_i = 0 \quad \forall i$

$$H_0: \beta_i < 0 \quad \exists i$$

Trong đó β_i là hệ số hiệu chỉnh sai số cân bằng trong dài hạn với $Z_{it} = -(\gamma_i/\beta_i)X_{it}$ cho tất cả các chuỗi i . Giả thuyết H_0 được chấp nhận nghĩa là bác bỏ tính đồng liên kết của toàn bộ dữ liệu bảng.

Mô hình kiểm định mối quan hệ nhân quả Granger giữa hai biến

$$INS_{it} = \alpha_0 + \sum_{k=1}^m \beta_k INS_{it-k} + \sum_{p=0}^n \gamma_p EDE_{it-p} + \mu_i + \zeta_{it} \quad (3.16) \quad (3.14)$$

$$EDE_{it} = \alpha_0 + \sum_{k=1}^m \beta_k EDE_{it-k} + \sum_{p=0}^n \gamma_p INS_{it-p} + \mu_i + \zeta_{it} \quad (3.17) \quad (3.15)$$

Mô hình đánh giá tác động của quản trị công lên nợ nước ngoài

$$EDE_{it} = \beta_0 + \beta_1 EDE_{it-1} + \beta_2 INS_{it} + Z_{it}\beta'_3 + \mu_i + \zeta_{it} \quad (3.18) \quad (3.16)$$

Trong đó chỉ số i và t lần lượt là chỉ số quốc gia và thời gian. Phương trình (3.16) là mô hình động. EDE_{it} là tỷ lệ nợ nước ngoài theo GDP; EDE_{it-1} ở phía bên phải của phương trình đại diện lượng nợ nước ngoài ban đầu; INS_{it} là chất lượng quản trị công; Z_{it} là một vector bao gồm các yếu tố có ảnh hưởng lên nợ nước ngoài; μ_i là sai số không quan sát được và ζ_{it} là sai số quan sát được.

3.2.2 Tác động của nợ nước ngoài, chất lượng quản trị công và biến tương tác lên tăng trưởng kinh tế

Dựa vào mô hình nghiên cứu giữa quản trị công, nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế ở mục 3.1.2, phương trình thực nghiệm có dạng như sau:

$$y_{it} = \beta_0 + \beta_1 y_{it-1} + \beta_2 EDE_{it} + \beta_3 INS_{it} + \beta_4 EDE_{it} \times INS_{it} + \beta_5 Z_{it} + \mu_i + \zeta_{it} \quad (3.17)$$

Phương trình (3.17) cũng là mô hình động. Y_{it} là thu nhập bình quân đầu người thực, đại diện cho tăng trưởng kinh tế; Y_{it-1} ở phía bên phải của phương trình đại diện thu nhập bình quân đầu người thực ban đầu; EDE_{it} là nợ công theo GDP; INS_{it} là chất lượng quản trị công (gồm 6 biến thành phần); $(EDE_{it} \times INS_{it})$ là biến tương tác giữa nợ nước ngoài và chất lượng quản trị công; Z_{it} là một vector bao gồm các biến kiểm soát μ_i là sai số không quan sát được và ζ_{it} là sai số quan sát được.

3.2.3 Phương pháp ước lượng GMM Arellano-Bond sai phân hai bước

Luận án sử dụng phương pháp GMM Arellano-Bond sai phân hai bước nhằm giải quyết được các mô hình có những khuyết tật như: Phương sai thay đổi, tự tương quan, việc nảy sinh quá nhiều biến công cụ, và những biến này càng gia tăng khi khoảng thời gian quan sát trong mẫu nghiên cứu tăng lên...

3.3 Dữ liệu nghiên cứu và lựa chọn các biến

3.3.1 Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu trong luận án là một bộ dữ liệu bảng cân bằng của 65 quốc gia đang phát triển bao gồm 14 quốc gia thu nhập thấp, 25 quốc gia có

thu nhập trung bình thấp, 26 quốc gia có thu nhập trung bình cao trong giai đoạn 2000-2014 được trích xuất từ World Bank và IMF.

3.3.2 Sử dụng các biến trong mô hình thực nghiệm

Biến chính: Tăng trưởng kinh tế, quản trị công, nợ nước ngoài

Biến kiểm soát: Đầu tư trong nước, nguồn thu thuế, lực lượng lao động, độ mở thương mại, lạm phát, cơ sở hạ tầng

CHƯƠNG 4: VAI TRÒ CỦA QUẢN TRỊ CÔNG TRONG MỐI QUAN HỆ GIỮA NỢ NƯỚC NGOÀI VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

4.1 Tác động của Quản trị công lên nợ nước ngoài tại các quốc gia đang phát triển

4.1.1. Tổng quan về tác động của quản trị công và nợ nước ngoài

4.1.2 Mô hình nghiên cứu về tác động của quản trị công và nợ nước ngoài

Từ mô hình (3.13), luận án kiểm định tác động của quản trị công lên nợ nước ngoài bằng phương trình như sau:

$$EDE_{it} = \beta_o + \beta_1 EDE_{it-1} + \beta_2 INS_{it} + Z_{it}\beta_3 + \mu_i + \zeta_{it} \quad (4.1)$$

Với mô hình (4.1) và các lược khảo nghiên cứu, luận án nhận thấy có nhiều nhân tố tác động đến nợ nước ngoài như: nguồn thu thuế TAX , độ mở thương mại OPE , lạm phát INF và cơ sở hạ tầng TEL . Thay các nhân tố vào (4.1), viết lại mô hình dưới dạng kinh tế lượng:

$$EDE_{it} = \beta_o + \beta_1 EDE_{it-1} + \beta_2 INS_{it} + \beta_3 TAX_{it} + \beta_4 LAB_{it} + \beta_5 OPEN_{it} + \beta_6 INF_{it} + \beta_7 TEL_{it} + \varepsilon_{it} \quad (4.2)$$

4.1.3 Thống kê các thuộc tính của các biến trong mô hình thực nghiệm

4.1.4 Kết quả thực nghiệm về tác động của quản trị công và nợ nước ngoài

4.1.4.1. Kiểm định mối quan hệ nhân quả Granger giữa quản trị công và nợ nước ngoài

4.1.4.2 Kết quả ước lượng cho mẫu chính (mẫu tổng thể)

Bảng 4.12. Quản trị công và nợ nước ngoài ở mẫu tổng thể: D-GMM, 2000-2014
Biến phụ thuộc: Nợ nước ngoài

	IN1	IN2	IN3	IN4	IN5	IN6
Nợ nước ngoài (-1)	0.454*** (0.087)	0.373*** (0.122)	0.323** (0.126)	0.896*** (0.181)	0.395*** (0.082)	0.333*** (0.076)
Quản trị công	39.944** (16.476)	58.715** (29.150)	49.046** (18.841)	129.89** (52.923)	72.71*** (26.972)	34.351** (14.799)
Nguồn thu thuế	-0.056*** (1.833)	-7.250** (3.713)	-7.869** (3.205)	-0.581 (3.201)	-8.557** (3.347)	-3.261** (1.699)
Lực lượng lao động	0.808 (0.661)	1.204 (0.939)	0.492 (0.785)	3.156 (6.155)	0.292 (2.437)	2.016 (1.735)
Độ mở thương mại	-0.131 (0.093)	-0.048 (0.147)	0.258 (0.255)	-0.542*** (0.182)	-0.804*** (0.162)	-0.454*** (0.166)
Lạm phát	0.557** (0.273)	0.279 (0.396)	-0.083 (0.115)	0.430 (0.666)	0.721*** (0.466)	0.187** (0.072)
Cơ sở hạ tầng	-0.351*** (0.124)	-0.537** (0.210)	-0.455*** (0.132)	-0.441** (0.255)	-0.450*** (0.123)	-0.213 (0.131)
Biến công cụ	21	19	19	19	20	21
Quốc gia/Quan sát	65/715	65/715	65/780	65/715	65/715	65/715
Kiểm định AR(2)	0.256	0.123	0.453	0.313	0.302	0.247
Kiểm định Sargan	0.144	0.131	0.107	0.115	0.301	0.152
Kiểm định Hansen	0.459	0.886	0.814	0.810	0.380	0.776

Ghi chú: ***, ** và * lần lượt là các mức ý nghĩa ở 1%, 5%, và 10%.

Nguồn: Xử lý bằng phần mềm Stata

Nhìn vào kết quả ước lượng ở mẫu tổng thể trong Bảng 4.12 cho thấy quản trị công có tác động dương ý nghĩa lên nợ nước ngoài, và hoàn toàn nhất quán cho cả 6 biến thành phần của quản trị công. Ngoài ra, Bảng 4.12 còn cho thấy nguồn thu thuế, độ mở thương mại và cơ sở hạ tầng làm giảm nợ nước ngoài trong khi lạm phát làm gia tăng nợ nước ngoài.

4.1.4.3 Kết quả ước lượng cho hai mẫu phụ

Bảng 4.13. Quản trị công và nợ nước ngoài ở mẫu thu nhập trung bình thấp: D-GMM, 2000-2014. Biến phụ thuộc: Nợ nước ngoài

	IN1	IN2	IN3	IN4	IN5	IN6
Nợ nước ngoài (-1)	0.456*** (0.097)	0.381*** (0.113)	0.961*** (0.109)	0.556*** (0.134)	0.493*** (0.068)	0.492*** (0.054)
Quản trị công	63.151*** (21.985)	52.398** (20.487)	19.033** (8.507)	86.27*** (30.698)	23.744** (9.960)	18.04*** (6.027)
Nguồn thu thuế	-0.559 (1.854)	-4.894** (2.599)	0.194 (1.674)	3.947 (3.175)	-3.859*** (1.126)	-1.888** (0.893)
Lực lượng lao động	2.570 (2.058)	-0.082 (1.238)	2.176 (2.085)	1.379 (1.025)	-0.666 (0.573)	-0.728 (1.513)
Độ mở thương mại	-0.567*** (0.178)	-0.154 (0.206)	-0.198 (0.118)	-1.33*** (0.398)	-0.209** (0.074)	-0.377*** (0.064)
Lạm phát	-0.054 (0.144)	-0.513** (0.245)	-0.223*** (0.075)	0.191 (0.229)	-0.090 (0.063)	-0.225** (0.107)
Cơ sở hạ tầng	-0.235** (0.107)	-0.246** (0.088)	0.072 (0.042)	-0.452** (0.183)	-0.026** (0.015)	-0.037*** (0.007)
Biến công cụ	17	18	20	17	21	20
Quốc gia/Quan sát	25/275	25/275	25/275	25/275	25/275	25/275
Kiểm định AR(2)	0.124	0.149	0.554	0.279	0.813	0.318
Kiểm định Sargan	0.228	0.543	0.172	0.562	0.101	0.160
Kiểm định Hansen	0.306	0.464	0.613	0.672	0.833	0.730

Ghi chú: ***, ** và * lần lượt là các mức ý nghĩa ở 1%, 5%, và 10%.

Nguồn: Xử lý bằng phần mềm Stata

Bảng 4.13 cho kết quả ước lượng mối quan hệ giữa quản trị công và nợ nước ngoài ở mẫu thu nhập trung bình thấp, ta thấy cả 6 biến thành phần của quản trị công đều có tác động dương ý nghĩa lên nợ nước ngoài. Tương tự

như mẫu tổng thể, đối với mẫu thu nhập trung bình thấp thì nguồn thu thuế, độ mở thương mại và cơ sở hạ tầng có tác động âm lên nợ nước ngoài. Riêng lạm phát có tác động âm đến nợ nước ngoài, đây là điểm khác so với mẫu tổng thể.

Bảng 4.14. Quản trị công và nợ nước ngoài ở mẫu thu nhập trung bình cao: D-GMM, 2000-2014

Biến phụ thuộc: Nợ nước ngoài

	IN1	IN2	IN3	IN4	IN5	IN6
Nợ nước ngoài (-1)	0.203*** (0.036)	0.601*** (0.114)	0.460*** (0.101)	0.273*** (0.037)	0.154*** (0.052)	0.237*** (0.022)
Quản trị công	12.72** (5.730)	15.623*** (4.244)	5.769** (2.398)	10.907** (5.032)	15.86*** (5.310)	25.33*** (7.544)
Nguồn thu thuế	-1.871*** (0.339)	0.170 (0.329)	-2.175*** (0.641)	-0.32*** (0.111)	-0.695** (0.252)	-0.287** (0.122)
Lực lượng lao động	0.692 (0.441)	5.710** (2.853)	1.908** (0.875)	0.634** (0.299)	3.142** (1.227)	0.172 (0.504)
Độ mở thương mại	-0.016 (0.029)	-0.192*** (0.046)	0.006 (0.043)	-0.038 (0.029)	-0.227 (0.190)	-0.099 (0.094)
Lạm phát	-0.057 (0.045)	0.097 (0.068)	-0.064 (0.077)	-0.020 (0.041)	0.130 (0.118)	0.068 (0.100)
Cơ sở hạ tầng	0.015 (0.018)	-0.372*** (0.114)	-0.002 (.031)	-0.23*** (0.078)	-0.077* (0.041)	-0.320*** (0.083)
Biến công cụ	20	20	20	22	20	22
Quốc gia/Quan sát	26/338	26/286	26/286	26/312	26/312	26/312
Kiểm định AR(2)	0.272	0.280	0.968	0.240	0.435	0.155
Kiểm định Sargan	0.834	0.308	0.387	0.426	0.255	0.534
Kiểm định Hansen	0.955	0.459	0.159	0.642	0.375	0.594

*Ghi chú: ***, ** và * lần lượt là các mức ý nghĩa ở 1%, 5%, và 10%.*

Nguồn: Xử lý bằng phần mềm Stata

Bảng 4.14 cho thấy cả 6 biến thành phần của quản trị công đều có tác động dương ý nghĩa lên nợ nước ngoài.

4.1.5. Kết luận và hàm ý chính sách về tác động của quản trị công lên nợ nước ngoài

Kết quả ước lượng cho thấy có sự giống nhau trong tác động dương ý nghĩa của quản trị công lên nợ nước ngoài cho cả ba mẫu nghiên cứu.

4.2. Vai trò của quản trị công trong mối quan hệ giữa Nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế

4.2.1 Giới thiệu

4.2.2. Mô hình nghiên cứu về quản trị công, nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế

Khi ước lượng mối quan hệ giữa quản trị công, nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế, xuất phát từ mô hình (3.8), luận án viết lại dưới dạng phương trình hồi quy động cho dữ liệu bảng

$$y_{it} = a_0 + \alpha_1 k_{it} + \alpha_2 TAX_{it} + \alpha_3 EDE_{it} + \alpha_4 INS_{it} + \alpha_5 Z_{it} + \mu_i + \zeta_{it} \quad (4.3)$$

Dựa vào phương trình (4.3) và lược khảo các nghiên cứu trước đây, nhiều nhà kinh tế cho rằng có nhiều yếu tố tác động lên tăng trưởng kinh tế. Với luận án này, các yếu tố tác động lên tăng trưởng kinh tế bao gồm: nợ nước ngoài *EDE*, chất lượng quản trị công *INS*, nguồn thu thuế *TAX*, độ mở thương mại *OPE*, lạm phát *INF* và cơ sở hạ tầng *TEL*.

Thay các nhân tố vào (4.3), viết lại mô hình dưới dạng kinh tế lượng:

$$y_{it} = \beta_0 + \beta_1 EDE_{it-1} + \beta_2 INS_{it} + \beta_3 DIN_{it} + \beta_4 TAX_{it} + \beta_5 LAB_{it} + \beta_6 OPEN_{it} + \beta_7 INF_{it} + \beta_8 TEL_{it} + \varepsilon_{it} \quad (4.4)$$

Trừ hai vế của phương trình (4.4) cho Y_{it-1} , kết quả là:

$$\Delta y_{it} = \beta_0 + \beta_1 y_{it-1} + \beta_2 EDE_{it-1} + \beta_3 INS_{it} + \beta_4 DIN_{it} + \beta_5 TAX_{it} + \beta_6 LAB_{it} + \beta_7 OPEN_{it} + \beta_8 INF_{it} + \beta_9 TEL_{it} + \varepsilon_{it} \quad (4.5)$$

Biến tương tác giữa nợ nước ngoài và chất lượng quản trị công ($EDE_{it} \times INS_{it}$) cũng được tích hợp vào mô hình tăng trưởng. Phương trình thực nghiệm cuối cùng có dạng như sau:

$$\text{Với } \varepsilon_{it} = \mu_i + \zeta_{it}$$

$$\Delta y_{it} = \beta_0 + \beta_1 Y_{it-1} + \beta_2 EDE_{it-1} + \beta_3 INS_{it} + \beta_4 EDE_{it} \times INS_{it} + \beta_5 DIN_{it} + \beta_6 TAX_{it} + \beta_7 LAB_{it} + \beta_8 OPEN_{it} + \beta_9 INF_{it} + \beta_{10} TEL_{it} + \mu_i + \zeta_{it} \quad (4.6)$$

4.2.3 Kết quả thực nghiệm

4.2.3.1. Kết quả nghiên cứu cho mẫu chính về mối quan hệ giữa quản trị công, nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế

Các kết quả ước lượng tương quan giữa quản trị công, nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế đối với mẫu tổng thể được thể hiện trong Bảng 4.17.

Bảng 4.17. Nợ nước ngoài, quản trị công và tăng trưởng kinh tế ở mẫu tổng thể: D-GMM, 2000-2014. Biến phụ thuộc: Tăng trưởng kinh tế

	IN1	IN2	IN3	IN4	IN5	IN6
Tăng trưởng (-1)	0.737*** (0.066)	0.694*** (0.031)	0.620*** (0.049)	0.821*** (0.041)	0.611*** (0.078)	0.659*** (0.041)
Nợ nước ngoài	-0.18*** (.053)	-0.142*** (0.036)	-0.179*** (0.047)	-0.133*** (0.024)	-0.152*** (0.041)	-0.087*** (0.017)
Quản trị công	36.673** (17.100)	13.992** (6.063)	7.899*** (6.509)	9.044** (3.699)	19.519** (7.761)	20.824*** (7.283)
Quản trị công*Nợ NN	-0.134** (0.061)	-0.064** (0.030)	-0.090** (0.041)	-0.045*** (0.016)	-0.09*** (0.033)	-0.032** (0.017)
Đầu tư trong nước	-0.053 (0.250)	-0.174 (0.229)	-0.023 (0.085)	-0.225 (0.208)	-0.464 (0.323)	0.017 (0.075)
Nguồn thu thuế	0.307 (0.776)	0.027 (0.149)	-0.142 (0.148)	0.121 (0.090)	2.304 (1.317)	0.918 (0.581)
Lực lượng lao động	-0.080 (0.263)	0.163 (0.619)	0.007 (0.224)	-0.719 (0.472)	-0.202 (0.263)	0.259 (0.716)
Độ mở thương mại	0.230*** (0.079)	0.127*** (0.021)	0.197*** (0.049)	0.115*** (0.013)	0.135*** (0.027)	0.111*** (0.017)
Lạm phát	-0.305** (0.116)	-0.216** (0.103)	-0.266** (0.139)	-0.207** (0.088)	-0.369*** (0.152)	-0.239*** (0.088)

Cơ sở hạ tầng	-0.060 (0.046)	0.025 (0.032)	0.029 (0.035)	-0.092 ** (0.038)	0.055 (0.039)	0.032 (0.026)
Biến công cụ	22	22	22	26	22	23
Quốc gia/Quan sát	65/780	65/780	65/780	65/780	65/780	65/780
Kiểm định AR(2)	0.107	0.144	0.942	0.137	0.514	0.170
Kiểm định Sargan	0.152	0.106	0.272	0.442	0.269	0.293
Kiểm định Hansen	0.344	0.277	0.544	0.166	0.667	0.132

Ghi chú: ***, ** và * lần lượt là các mức ý nghĩa ở 1%, 5%, và 10%.

Nguồn: Xử lý bằng phần mềm Stata

Bảng 4.17 thể hiện: độ trễ bậc 1 của tăng trưởng có tác động dương lên tăng trưởng, và hoàn toàn nhất quán với 6 biến thành phần của quản trị công. Nợ nước ngoài có tác động âm trong khi quản trị công có tác động dương lên tăng trưởng, những kết quả này hoàn toàn nhất quán cho cả 6 chỉ số quản trị công. Biến tương tác giữa quản trị công và nợ nước ngoài có tác động âm lên tăng trưởng.

4.2.3.2 Kết quả nghiên cứu cho hai mẫu phụ

Bảng 4.18. Nợ nước ngoài, quản trị công và tăng trưởng kinh tế ở thu nhập trung bình thấp: D-GMM, 2000-2014. Biến phụ thuộc: Tăng trưởng kinh tế

	IN1	IN2	IN3	IN4	IN5	IN6
Tăng trưởng (-1)	0.907*** (0.044)	0.679*** (0.104)	0.739*** (0.049)	0.579*** (0.060)	0.910*** (0.045)	1.035*** (0.061)
Nợ nước ngoài	0.225*** (0.052)	0.498*** (0.157)	0.158*** (0.056)	0.194*** (0.046)	0.331*** (0.095)	0.286*** (0.081)
Quản trị công	-22.218*** (7.191)	-33.034** (14.358)	-9.918** (4.362)	-39.546*** (8.035)	-8.128* (4.450)	-13.282** (5.586)
Quản trị công*Nợ NN	0.324*** (0.078)	0.577*** (0.164)	0.116* (0.061)	0.436*** (0.085)	0.260*** (0.078)	0.293** (0.113)
Đầu tư trong nước	-0.044 (0.108)	1.082** (0.603)	0.599** (0.243)	0.491** (0.186)	0.286* (0.142)	0.696*** (0.142)
Nguồn thu thuế	-0.261 (0.764)	0.145 (2.109)	-1.161** (0.491)	-0.490** (0.251)	0.155 (0.655)	-3.276*** (0.820)
Lực lượng lao động	-0.455** (0.193)	1.911 (1.898)	-3.913*** (0.782)	-3.916*** (1.197)	-1.153 (0.868)	-1.381 (1.130)

Độ mở thương mại	0.267** (0.097)	-0.081 (0.149)	-0.018 (0.067)	0.024 (0.083)	0.210** (0.087)	0.089** (0.040)
Lạm phát	-0.021 (0.055)	0.275** (0.136)	0.123** (0.056)	0.055 (0.067)	-0.011 (0.055)	0.436*** (0.094)
Cơ sở hạ tầng	0.030** (0.016)	0.155** (0.071)	-0.067 (0.048)	0.104** (0.051)	0.037 (0.029)	-0.009 (0.029)
Biến công cụ	21	21	23	22	23	21
Quốc gia/Quan sát	25/275	25/275	25/275	25/300	25/275	25/275
Kiểm định AR(2)	0.433	0.460	0.425	0.250	0.520	0.122
Kiểm định Sargan	0.245	0.888	0.309	0.446	0.294	0.836
Kiểm định Hansen	0.478	0.885	0.568	0.375	0.350	0.740

*Ghi chú: ***, ** và * lần lượt là các mức ý nghĩa ở 1%, 5%, và 10%. Nguồn: Xử lý bằng phần mềm Stata*

Từ kết quả ước lượng, luận án rút ra được những nhận xét sau:

- (1) Biến trễ bậc 1 của tăng trưởng kinh tế ở mẫu phụ nhóm các quốc gia thu nhập trung bình thấp cũng có tác động dương và hoàn toàn nhất quán cho 6 chỉ số quản trị công.
- (2) Chất lượng quản trị công có tác động âm lên tăng trưởng trong khi nợ nước ngoài và biến tương tác có tác động dương lên tăng trưởng kinh tế.
- (3) Cùng kết quả với mẫu tổng thể, độ mở thương mại ở hai mẫu phụ cũng thúc đẩy tăng trưởng, lạm phát có tác động dương, đầu tư trong nước ở nhóm thu nhập trung bình thấp có tác động thúc đẩy lên tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, nguồn thu thuế có tác động âm lên tăng trưởng kinh tế, cơ sở hạ tầng có tác động dương, làm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, lực lượng lao động ở mẫu thu nhập trung bình thấp góp phần làm giảm tăng trưởng

Bảng 4.19. Nợ nước ngoài, quản trị công và tăng trưởng kinh tế ở mẫu thu nhập trung bình cao: D-GMM, 2000-2014

Biến phụ thuộc: Tăng trưởng kinh tế

	IN1	IN2	IN3	IN4	IN5	IN6
Tăng trưởng (-1)	0.889*** (0.023)	0.906*** (0.050)	0.894*** (0.056)	0.673*** (0.043)	0.667*** (0.069)	0.768*** (0.037)

Nợ nước ngoài	-0.127*** (0.032)	-0.096** (0.044)	-0.200*** (0.065)	-0.095** (0.044)	-0.223*** (0.071)	-0.153*** (0.045)
Quản trị công	9.893*** (4.357)	13.400** (5.670)	11.234** (4.736)	35.831*** (9.425)	37.400*** (8.105)	26.418*** (8.098)
Quản trị công*Nợ NN	-0.139** (0.066)	-0.226** (0.084)	-0.125** (0.054)	-0.415*** (0.109)	-0.289** (0.132)	-0.226*** (0.078)
Đầu tư trong nước	-0.357** (0.143)	-0.478** (0.196)	-0.861** (0.355)	-0.107 (0.111)	-0.120 (0.140)	-0.351*** (0.086)
Nguồn thu thuế	0.466** (0.186)	1.205*** (0.277)	-0.227 (0.176)	0.594** (0.246)	0.918** (0.337)	-0.077 (0.062)
Lực lượng lao động	-0.026 (0.207)	-0.166 (0.247)	0.118 (0.338)	0.202 (0.450)	0.470 (0.277)	0.470 (0.338)
Độ mở thương mại	0.178*** (0.029)	0.204*** (0.042)	0.218*** (0.038)	0.272*** (0.052)	0.160** (0.061)	-0.034 (0.115)
Lạm phát	-0.265*** (0.062)	-0.338*** (0.071)	-0.169*** (0.034)	-0.402*** (0.056)	-0.272** (0.131)	-0.022 (0.069)
Cơ sở hạ tầng	0.018 (0.029)	-0.077 (0.056)	-0.0007 (0.031)	0.077** (0.040)	0.157*** (0.056)	0.246*** (0.070)
Biến công cụ	22	21	20	22	22	22
Quốc gia/Quan sát	26/312	26/286	26/286	26/312	26/312	26/312
Kiểm định AR(2)	0.126	0.476	0.185	0.518	0.464	0.528
Kiểm định Sargan	0.117	0.151	0.177	0.174	0.163	0.178
Kiểm định Hansen	0.306	0.422	0.302	0.141	0.172	0.450

Ghi chú: ***, ** và * lần lượt là các mức ý nghĩa ở 1%, 5%, và 10%.

Nguồn: Xử lý bằng phần mềm Stata

Từ kết quả ước lượng, luận án đưa ra được những nhận xét sau:

- (1) Biến trễ bậc 1 của tăng trưởng kinh tế ở mẫu phụ nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình cao có tác động dương và hoàn toàn nhất quán cho 6 chỉ số quản trị công.
- (2) Kết quả tác động của chất lượng quản trị công, nợ nước ngoài và biến tương tác ở mẫu thu nhập trung bình cao hoàn toàn nhất quán với mẫu tổng thể. Theo đó, quản trị công có tác động dương lên tăng trưởng kinh tế, trong khi nợ nước ngoài và biến tương tác giữa quản trị công và nợ nước ngoài có tác động âm lên tăng trưởng kinh tế.

4.2.4. Kiểm tra tính bền của mô hình ước lượng

Để kiểm tra tính bền của mô hình ước lượng, luận án sử dụng phương pháp IV-FE cho mẫu tổng thể. Kết quả ở Bảng 4.20 cho thấy biến các hệ số ước

lượng và mức ý nghĩa của các biến trễ bậc 1 của tăng trưởng, nợ nước ngoài, quản trị công, đầu tư trong nước và độ mở thương mại hoàn toàn tương tự như trong Bảng 4.17 với D-GMM. Điều này hàm ý các kết quả ước lượng bằng D-GMM có độ tin cậy cao.

Bảng 4.20. Nợ nước ngoài, quản trị công và tăng trưởng kinh tế ở mẫu tổng thể: IV-FE, 2000-2014 . Biến phụ thuộc: Tăng trưởng kinh tế

	IN1	IN2	IN3	IN4	IN5	IN6
Tăng trưởng (-1)	0.901*** (0.008)	0.936*** (0.007)	0.903*** (0.008)	0.899*** (0.009)	0.902*** (0.008)	0.903*** (0.008)
Nợ nước ngoài	-0.014** (0.006)	-0.029*** (0.008)	-0.020*** (0.007)	-0.014** (0.008)	-0.015** (0.008)	-0.014*** (0.004)
Quản trị công	1.783** (0.883)	1.581** (0.854)	1.162** (0.537)	1.145 (0.933)	1.069 (1.055)	1.504** (0.881)
Quản trị công*Nợ NN	0.000 (0.006)	-0.006 (0.005)	-0.005 (0.006)	0.000 (0.005)	-0.000 (0.005)	0.001 (0.004)
Đầu tư trong nước	0.081*** (0.029)	0.077*** (0.027)	0.078*** (0.029)	0.081*** (0.029)	0.080*** (0.029)	0.077*** (0.029)
Nguồn thu thuế	0.039 (0.067)	-0.050 (0.061)	0.044 (0.066)	0.046 (0.067)	0.046 (0.067)	0.030 (0.067)
Lực lượng lao động	-0.047 (0.076)	-0.088 (0.063)	-0.009 (0.078)	-0.053 (0.076)	-0.038 (0.076)	-0.028 (0.076)
Độ mở thương mại	0.049*** (0.010)	0.056*** (0.007)	0.048*** (0.011)	0.050*** (0.011)	0.050*** (0.011)	0.050*** (0.010)
Lạm phát	-0.022 (0.024)	-0.017** (0.009)	-0.017 (0.024)	-0.019 (0.024)	-0.019 (0.024)	-0.023 (0.024)
Cơ sở hạ tầng	0.000 (0.003)	0.003 (0.003)	0.000 (0.003)	0.000 (0.003)	0.000 (0.003)	0.002 (0.003)
Kiểm định Sargan	0.577	0.211	0.183	0.784	0.431	0.898

Ghi chú: ***, ** và * lần lượt là các mức ý nghĩa ở 1%, 5%, và 10%.

Nguồn: Xử lý bằng phần mềm Stata

4.2.5. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết quả cho thấy quản trị công thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khi nợ nước ngoài và biến tương tác làm giảm tăng trưởng kinh tế ở mẫu tổng thể và mẫu thu nhập trung bình cao. Trái lại, ở mẫu thu nhập trung bình thấp nợ nước ngoài và biến tương tác thúc đẩy tăng trưởng trong khi quản trị công làm giảm tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, đầu tư trong nước, nguồn thu thuế, lực lượng lao động, độ mở thương mại, lạm phát và cơ sở hạ tầng là những yếu tố quyết định có ý nghĩa lên tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia này.

CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ GỢI Ý CHÍNH SÁCH

5.1. Kết luận

5.2. Gợi ý chính sách

5.2.1. Chính sách liên quan đến tác động của quản trị công lên nợ nước ngoài

Các phát hiện đến từ nghiên cứu này đòi hỏi chính phủ ở các quốc gia đang phát triển cần có sự thận trọng trong việc thiết kế, ban hành và thực thi những chính sách liên quan đến nợ nước ngoài ở các nước đang phát triển.

5.2.1.1. Gợi ý chung về chính sách cho chính phủ các nước đang phát triển

- Chính phủ cần phải đưa ra những mục tiêu cụ thể với những chiến lược rõ ràng trong việc vay nợ nước ngoài
- Chính phủ các nước cần phải tính đến các yếu tố tác động có ý nghĩa lên nợ nước ngoài khi ban hành và thực thi các chính sách có liên quan đến nợ nước ngoài.

5.2.1.2. Những gợi ý riêng về chính sách cho từng nhóm quốc gia

- Nhóm các quốc gia thu nhập trung bình thấp
- Nhóm các quốc gia thu nhập trung bình cao

5.2.2 Chính sách liên quan đến tăng trưởng kinh tế do các tác động của nợ nước ngoài, quản trị công và tương tác của chúng

5.2.2.1 Gợi ý chung về chính sách cho chính phủ ở các quốc gia đang phát triển

- Các chính sách liên quan đến thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cần tính đến tác động âm của nợ nước ngoài.
- Chính sách mở cửa có tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khi lạm phát làm giảm tăng trưởng kinh tế. Đây là hai biến số vĩ mô mà các chính phủ ở các nước đang phát triển có thể thực thi tốt trong khả năng của mình.

5.2.2.2 Gợi ý riêng về chính sách cho từng nhóm quốc gia

Nhóm các quốc gia thu nhập trung bình thấp

- Nợ nước ngoài có tác động dương và quản trị công có tác động âm lên tăng trưởng kinh tế.
- Ngoài ra, đầu tư trong nước, độ mở thương mại, lạm phát và cơ sở hạ tầng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khi nguồn thu thuế và lực lượng lao động làm giảm tăng trưởng kinh tế.

Nhóm các quốc gia thu nhập trung bình cao

- Tác động của quản trị công, nợ nước ngoài và tương tác của chúng lên tăng trưởng kinh tế ở nhóm các quốc gia thu nhập trung bình cao có đặc điểm tương tự như mẫu nghiên cứu chính, vì vậy phần gợi ý này tương tự như gợi ý chung về chính sách cho chính phủ ở các quốc gia đang phát triển được đề cập bên trên.
- Ngoài ra, nguồn thu thuế, độ mở thương mại và cơ sở hạ tầng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khi đầu tư trong nước và lạm phát làm giảm tăng trưởng kinh tế.

5.3 Hạn chế của luận án và hướng nghiên cứu trong tương lai

5.3.1 Hạn chế của luận án

5.3.2 Hướng nghiên cứu trong tương lai

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

TẠP CHÍ KHOA HỌC

1/ Võ Thị Thùy Vân (2017) Quản trị công, nợ nước ngoài và tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển. Tạp chí nghiên cứu kinh tế và kinh doanh Châu Á, số 12/2017, ISSN 1859-1124.

2/ Võ Thị Thùy Vân (2018) Tác động của quản trị công lên nợ nước ngoài-nghiên cứu tại các nước đang phát triển. Tạp chí công nghệ ngân hàng, số tháng 5/2018, ISSN 1859-3682.